Cho bảng có thông tin của tất cả các khách hàng của công ty bạn. Nó được lưu trữ với các cột sau:

* customer\_id(SMALLINT): khóa chính thay thế được sử dụng để nhận dạng duy nhất từng khách hàng trong bảng.
* first\_name(VARCHAR[50]): tên của khách hàng.
* last\_name(VARCHAR[50]): họ của khách hàng.
* city(VARCHAR[50]): thành phố mà khách hàng hiện đang sống.
* country(VARCHAR[50]): quốc gia mà khách hàng hiện đang sống.

Hãy kết hợp các khách hàng đến từ cùng một thành phố và quốc gia. Lưu ý rằng khách hàng không thể tự kết hợp với chính họ.

Bảng trả về phải được sắp xếp theo country, city, first\_name, last\_name của khách hàng đầu tiên (first\_customer).

**Ví dụ**

Cho bảng customer

| **customer\_id** | **first\_name** | **last\_name** | **city** | **country** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | MARY | SMITH | Sasebo | Japan |
| 2 | PATRICIA | JOHNSON | Sasebo | Japan |
| 3 | LINDA | WILLIAMS | Athenai | Greece |
| 4 | BARBARA | JONES | Athenai | Greece |
| 5 | ELIZABETH | BROWN | Nantou | Taiwan |

kết quả trả về sẽ là

| **first\_customer** | **second\_customer** | **city** | **country** |
| --- | --- | --- | --- |
| BARBARA JONES | LINDA WILLIAMS | Athenai | Greece |
| LINDA WILLIAMS | BARBARA JONES | Athenai | Greece |
| MARY SMITH | PATRICIA JOHNSON | Sasebo | Japan |
| PATRICIA JOHNSON | MARY SMITH | Sasebo | Japan |